

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 168/NQ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 244/2025/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại văn bản số 842/BTC-NSNN ngày 24 tháng 6 năm 2026;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

## **QUYẾT NGHỊ:**

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông đã tác động không nhỏ đến kinh tế nước ta trong nửa đầu năm 2026, nền kinh tế nước ta tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu, chỉ số về tăng trưởng đạt kết quả cao nhất trong nhiều năm, nhiều nhiệm kỳ, được các tổ chức quốc tế đánh giá cao; tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số trong năm 2026, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, thực chất, Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan, địa phương) căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ, các Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng, chỉ đạo của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ; đổi mới tư duy, cách làm, nỗ lực, quyết tâm cao nhất để đạt được mục tiêu tăng trưởng tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị quyết này, kế hoạch tăng trưởng của các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước. Trong đó cần tập trung thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới như sau:

### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐIỀU HÀNH**

1. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng là trách nhiệm của từng bộ, địa phương, doanh nghiệp nhà nước, cần đổi mới tư duy, cách làm, nâng cao năng lực tổ chức thực thi; các địa phương đã hoàn thành mục tiêu 06 tháng đầu năm thì tiếp tục phấn đấu đạt mức cao hơn, các địa phương chưa hoàn thành mục tiêu thì phải quyết tâm hoàn thành, nhất là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương động lực.

2. Kiên định mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; chủ động, linh hoạt, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các yếu tố bên ngoài, khai thác hiệu quả các cơ hội mới.

3. Chủ động khai thác tối đa các động lực, nguồn lực sẵn có, còn dư địa kết hợp với cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng lực tự chủ dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; mọi cơ chế, chính sách phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

### 1. Về điều hành chính sách tài khoá

a) Bộ Tài chính tiếp tục điều hành chính sách tài khoá mở rộng hợp lý theo hướng có trọng tâm, trọng điểm:

- Sớm trình Chính phủ chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ.

- Khẩn trương tham mưu, trong tháng 06 năm 2026 trình Chính phủ điều chỉnh linh hoạt một số quy định về thuế xăng dầu, nhiên liệu bay phù hợp với diễn biến giá thế giới.

- Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân bổ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2025 trong tháng 7 năm 2026; phân bổ số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trước ngày 15 tháng 7 năm 2026. Bảo đảm nguồn thực hiện tăng lương cơ sở từ 01 năm 7 năm 2026.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm, thu hút FDI, phát triển doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình sửa đổi Luật Chứng khoán tại Kỳ họp Quốc hội tháng 10 năm 2026 và các quy định có liên quan để nâng cao năng lực thị trường. Thiết kế sản phẩm tài chính mới, thu hút dòng vốn của các nhà đầu tư quốc tế vào Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

- Trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

### b) Các bộ, cơ quan, địa phương:

- Tập trung nguồn lực đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, bảo đảm giải ngân 100% kế hoạch được giao, giải ngân vốn ngân sách trung ương các bộ, cơ quan, địa phương được giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương năm 2026 và nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2025; xây dựng kịch bản giải ngân chi tiết theo từng tuần, từng tháng, từng quý, làm cơ sở cảnh báo sớm và chỉ đạo, điều hành kịp thời; tiếp tục thực hiện nghiêm việc gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân.

- Thực hiện các chính sách chi theo dự toán đã được phê duyệt và triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

- Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 để sớm thực hiện, giải ngân dự án.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản dự toán chi thường xuyên đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương trong dự toán đầu năm nhưng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa phân bổ, giao dự toán (trừ kinh phí quốc phòng, an ninh, sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng pháp luật) cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định, trường hợp cần thiết, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Khẩn trương rà soát đánh giá đề xuất nhu cầu vốn khoa học công nghệ còn lại của năm 2025, 2026 để phân bổ, sử dụng cho các lĩnh vực trọng điểm theo đúng kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương và Chính phủ, không dài trải, manh mún, gửi Bộ Tài chính trong tháng 7 năm 2026.

- Khẩn trương rà soát Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, nguyên tắc tập trung công nghệ chiến lược, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế số, không cào bằng, gửi Bộ Tài chính trong tháng 7 năm 2026.

2. Về điều hành chính sách tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả:

a) Triển khai các giải pháp ổn định lãi suất, bảo đảm thanh khoản cho nền kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại tệ nhằm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

b) Theo dõi sát, đánh giá tình hình, cập nhật, phân tích cán cân thanh toán quốc tế hằng tháng, tình hình xuất nhập khẩu, dòng vốn đầu tư, thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế và các yếu tố tác động đến tỷ giá, thị trường ngoại hối; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan liên quan để theo dõi tình hình dòng ngoại tệ vào, ra nền kinh tế, nhất là của các doanh nghiệp có kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn nhằm có giải pháp phù hợp; tăng cường các biện pháp quản lý, giám sát thị trường ngoại hối, ổn định thị trường ngoại hối.

c) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí, triển khai các giải pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất thị trường.

d) Kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; có cơ chế, giải pháp để đảm bảo nguồn vốn tín dụng cho các dự án lớn, trọng điểm, dự án được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; đẩy mạnh xử lý nợ xấu và tiếp tục triển khai cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém, được kiểm soát đặc biệt.

đ) Nâng cao chất lượng tín dụng, hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế và các dự án trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu điều chỉnh hạn mức tín dụng phù hợp và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng hạn mức tăng trưởng để nâng lãi suất cho vay.

### 3. Về phối hợp chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục nghiên cứu nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại vào nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại để bổ sung thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

#### b) Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp:

- Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ liên quan đến phát triển thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ.

- Phối hợp chặt chẽ về điều hành tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại hệ thống ngân hàng thương mại để hỗ trợ nguồn vốn ngắn hạn cho nền kinh tế. Ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi được ưu tiên sử dụng cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh tạm ứng, vay; trường hợp chưa sử dụng, thì ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi được sử dụng để mua bán lại trái phiếu chính phủ và gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại; giao Bộ Tài chính chủ động quyết định hạn mức cụ thể sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại (có thể vượt quá 50% khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi) nhằm tăng cường phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

### 4. Về sản xuất, xuất nhập khẩu

a) Các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là về kiểm dịch, môi trường, xuất nhập khẩu..., giảm tối đa chi phí logistics của nền kinh tế; thường xuyên tổ chức đối thoại, trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng để chủ động giải quyết các nội dung khuyến nghị của các doanh nghiệp về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong phạm vi lĩnh vực phụ trách theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và đóng góp vào tăng trưởng 2 con số.

#### b) Về sản xuất công nghiệp - xây dựng

- Bộ Công Thương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, các địa phương:

+ Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ đưa vào khai thác các dự án trọng điểm ngành khai khoáng, khai thác đất hiếm gắn với chế biến sâu, bảo đảm hài hòa với bảo vệ môi trường; tăng khai thác dầu khí đáp ứng yêu cầu tăng trưởng ngành khai khoáng và nhiên liệu phục vụ phát điện.

+ Phát triển một số phân ngành cơ khí trọng điểm, hình thành năng lực sản xuất - chế tạo đối với đường sắt đô thị, tập trung vào các nhóm sản phẩm về đầu máy, toa xe, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thiết bị, vật tư và hệ thống thông tin, tín hiệu...

+ Nghiên cứu phát triển các ngành cơ khí phục vụ kinh tế biển, nhất là đóng tàu, chế tạo thiết bị điện gió ngoài khơi, kết cấu - thiết bị dầu khí...

+ Bộ Công Thương phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng rà soát, xác định các ngành, lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, linh kiện có khả năng nội địa hóa theo lộ trình và có giải pháp, chính sách cụ thể theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với kết quả đầu ra cụ thể để thực hiện nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, từng bước khắc phục tình trạng nhập siêu.

- Bộ Xây dựng:

+ Khẩn trương rà soát, có ý kiến về các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của bộ đối với các tuyến đường cao tốc khu vực miền núi phía Bắc dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm hiệu quả đầu tư theo đúng chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ, gửi Bộ Tài chính trong tháng 7 năm 2026.

+ Phối hợp, đôn đốc các chủ đầu tư, địa phương đẩy nhanh tiến độ đối với các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm; tập trung vào khối lượng hoàn thành, giá trị xây lắp và tháo gỡ các điểm nghẽn ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

+ Chủ động đôn đốc, phối hợp với địa phương theo dõi sát diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, dự báo biến động giá cả để kịp thời xử lý theo thẩm quyền; phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương thiết lập cơ chế điều phối liên vùng trong quản lý nguồn cung vật liệu xây dựng phục vụ các công trình, dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực giao thông vận tải.

+ Rà soát, tháo gỡ các vướng mắc thuộc thẩm quyền đối với các dự án nhà ở xã hội; phối hợp với địa phương thúc đẩy các dự án đã đủ điều kiện pháp lý, có khả năng khởi công, thi công hoặc hoàn thành ngay trong năm 2026.

+ Bảo đảm năng lực vận tải để phục vụ tăng trưởng trong 06 tháng cuối năm; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các điểm nghẽn về tổ chức giao thông, khai thác kết cấu hạ tầng, kết nối cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, bến thủy nội địa, cửa ngõ đô thị và các hành lang vận tải hàng hóa lớn.

- Các bộ, cơ quan, địa phương:

+ Khẩn trương rà soát, tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ đối với các dự án chậm triển khai thuộc các thành phần kinh tế, các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia (như các tuyến đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt kết nối với Trung Quốc, một số tuyến trên đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; bảo đảm tiến độ xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, mở rộng Cảng hàng không Phú Quốc, Chu Lai, Cà Mau...), các Chương trình mục tiêu quốc gia; tập trung tháo gỡ các dự án tồn đọng, kéo dài.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về giá; rà soát, đánh giá kỹ chi phí cấu thành giá nguyên vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...), xác định chính xác nguyên nhân biến động giá, nguồn cung trong thời gian qua để có giải pháp giải quyết dứt điểm, phối hợp với lực lượng chức năng xử lý nghiêm hành vi đầu cơ, găm hàng, cục bộ, lợi dụng biến động giá xăng dầu để tăng giá bất hợp lý. Khẩn trương tháo gỡ khó khăn liên quan đến cấp phép mỏ đá, cát, đất, đưa vào khai thác các mỏ vật liệu mới. Căn cứ nhu cầu nguyên vật liệu cho đầu tư công, cần thiết có giải pháp thu hồi các giấy phép đã cấp không thực hiện đúng quy định để phục vụ cho việc triển khai các dự án, công trình quan trọng.

+ Phát triển bền vững, an toàn, lành mạnh thị trường bất động sản. Các địa phương Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình... chủ động rà soát, điều chỉnh, đề xuất để xác định cụ thể vị trí, quy mô phát triển nhà ở cho thuê gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn với trọng tâm xác định nhu cầu nhà ở cho thuê theo phân khúc làm cơ sở quy hoạch và phân bổ nguồn lực.

### c) Về dịch vụ, thúc đẩy tiêu dùng và phát triển du lịch

- Bộ Công Thương, các địa phương:

+ Tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng và đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; hoàn thành trong tháng 7 năm 2026 việc xây dựng chương trình “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam” gắn với yêu cầu nâng cấp các ngành sản xuất.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, gắn với xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ; xây dựng và triển khai các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ một số ngành hàng công nghiệp nhẹ (dệt may, da giày...) tại thị trường trong nước gắn với phát triển thương hiệu Việt.

+ Tổ chức thường xuyên các hội chợ công nghiệp, thương mại và hàng tiêu dùng quốc gia nhằm thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia.

+ Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ găm hàng, buôn lậu, hàng không rõ nguồn gốc, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ, quy định vệ sinh an toàn thực phẩm...

+ Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong tháng 07 năm 2026 sửa đổi Thông tư số 60/2025/TT-BCT về thực hiện bán giá điện đối với các cơ sở lưu trú du lịch, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu điều hành điện quốc gia và hỗ trợ phát triển du lịch.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương:

+ Tập trung xúc tiến quảng bá du lịch theo thị trường mục tiêu, cơ cấu lại thị trường khách quốc tế, khai thác hiệu quả các thị trường gần, có khả năng phục hồi nhanh và quy mô lớn như khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Ấn Độ và châu Á - Thái Bình Dương.

+ Triển khai các chương trình xúc tiến du lịch trực tiếp và trực tuyến tại các thị trường trọng điểm và tiềm năng.

+ Tiếp tục cơ cấu lại các sản phẩm du lịch, kết hợp đa dạng các loại hình du lịch gắn với thương mại, dịch vụ và tiêu dùng tại các điểm đến, tăng mức chi tiêu và kéo dài thời gian lưu trú.

+ Triển khai Chương trình kích cầu du lịch nội địa trên phạm vi toàn quốc, tăng cường liên kết giữa hàng không, đường sắt, vận tải, lưu trú, lữ hành và các khu, điểm du lịch để xây dựng các gói sản phẩm hấp dẫn, giá cạnh tranh, khai thác mùa du lịch hè và cuối năm; phát triển sản phẩm du lịch ngắn ngày, du lịch học đường, du lịch gia đình...

d) Về sản xuất nông, lâm, thủy sản

Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương:

- Xây dựng, cập nhật kịch bản hạn hán, ứng phó với El Nino theo từng vùng, từng lưu vực sông, ban hành kế hoạch phòng, chống hạn hán định kỳ, gắn với kế hoạch sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt, bảo đảm đủ nước cho sản xuất và sinh hoạt.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng hàng nông sản, đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của thị trường nhập khẩu; yêu cầu về tháo gỡ thẻ vàng IUU.

- Đẩy nhanh việc cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, giảm thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, nhất là đối với sầu riêng và một số ngành hàng chủ lực.

#### đ) Về xuất nhập khẩu

##### Bộ Công Thương:

- Tiếp tục triển khai các chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc Hoa Kỳ điều tra theo mục 301 và việc đàm phán Hiệp định thương mại đối ứng công bằng và cân bằng với Hoa Kỳ; chủ động chuẩn bị kỹ lưỡng thông tin, số liệu, phối hợp với các đối tác để làm rõ về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại theo từng ngành hàng, thị trường và địa bàn trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi về thuế quan, quy tắc xuất xứ và mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết, nhất là các FTA thế hệ mới; xây dựng chiến lược xuất khẩu chủ động vào thị trường Trung Quốc, Ấn Độ.

- Phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, doanh nghiệp xây dựng cơ chế, công cụ cung cấp thống nhất, đầy đủ, cập nhật về thông tin thị trường xuất nhập khẩu, cảnh báo sớm các rào cản kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi sát diễn biến thương mại quốc tế, tình hình xuất nhập khẩu để có giải pháp kịp thời thúc đẩy xuất khẩu và xử lý hiện tượng nhập siêu, bảo đảm cán cân thương mại bền vững, không làm ảnh hưởng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số.

#### 5. Về điều hành lạm phát và bảo đảm an ninh năng lượng

a) Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, địa phương phối hợp làm tốt công tác quản lý giá cả, thị trường, điều tiết cung - cầu; nghiên cứu, tính toán kỹ lưỡng mức độ, phạm vi, thời điểm điều chỉnh giá các mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước quản lý để kiểm soát lạm phát; xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, trục lợi, tăng giá bất thường, bảo đảm kiểm soát theo kịch bản.

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững.

##### c) Bộ Công Thương:

- Bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước, điều hành giá xăng dầu và thực hiện hiệu quả việc chi tạm ứng từ ngân sách nhà nước cho Quỹ bình ổn xăng dầu.

- Phối hợp với các địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp triển khai hiệu quả Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; kịp thời nắm bắt tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện lớn để tập trung tháo gỡ, đưa vào vận hành theo đúng tiến độ; tập trung triển khai các giải pháp tiết kiệm điện, phấn đấu đạt tối thiểu 3% tổng điện năng tiêu thụ toàn quốc trong năm 2026.

- Thường xuyên rà soát, dự báo, cập nhật các kịch bản và kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia, ứng phó với các tình huống cực đoan, bất lợi, thậm chí có thể xảy ra đồng thời (nắng nóng kéo dài, các tổ máy phát điện lớn, hệ thống truyền tải điện gặp sự cố...), chủ động phương án nhập khẩu điện, không để thiếu điện cho sản xuất trong mọi tình huống.

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện nhằm bảo đảm công suất khả dụng các tổ máy thủy điện lớn, đồng thời đáp ứng dung tích phòng lũ, bảo đảm cung cấp nước hạ du, ứng phó nhanh khi xuất hiện các hình thái thời tiết (bão, lũ, khô hạn).

## 6. Về đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia theo Thông báo số 246/TB-VPCP ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ.

b) Các bộ, cơ quan chủ quản hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; ưu tiên làm sạch, chuẩn hóa, đối soát và đồng bộ dữ liệu về đất đai, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, xây dựng, nông nghiệp, kiểm soát tài sản, thu nhập và xử lý vi phạm hành chính; đối với 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu, từng bộ chủ quản có kế hoạch hoàn thành đủ 19/19 tiêu chí, hoàn thành trong quý III năm 2026.

c) Các bộ, cơ quan, địa phương đẩy mạnh phát triển các ngành công nghệ chiến lược, trong đó lựa chọn, tập trung thực hiện các bài toán, sản phẩm trọng điểm.

## 7. Về các giải pháp khác

a) Các bộ, địa phương khẩn trương triển khai các giải pháp để thu hút tối đa các nguồn lực xã hội cho tăng trưởng:

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đề

cao trách nhiệm của người đứng đầu, tính chủ động, tự chủ của địa phương. Tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; rà soát, đánh giá tính khả thi trong thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, phân bổ biên chế theo khối lượng công việc, rõ trách nhiệm cá nhân. Hoàn thiện hạ tầng số, xây dựng dữ liệu và quản lý, điều hành, liên thông; xây dựng, vận hành khung năng lực cán bộ xã, phường; hoàn thành Bộ tiêu chí đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ (KPI).

- Tập trung tổng rà soát hệ thống pháp luật; trình Quốc hội 17 dự án Luật, pháp lệnh vào Kỳ họp tháng 8 năm 2026 và khoảng 30 dự án Luật, pháp lệnh vào Kỳ họp tháng 10 năm 2026; đẩy nhanh việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết, không để phát sinh “khoảng trống” pháp lý.

- Hoàn thiện hạ tầng số, xây dựng dữ liệu và quản lý, điều hành, liên thông; xây dựng, vận hành khung năng lực cán bộ xã, phường; Bộ KPI đánh giá cán bộ, thực hiện trả lương, thu nhập theo kết quả đánh giá cán bộ.

- Hoàn thành công tác quy hoạch, tạo lập không gian, các vùng động lực phát triển mới từ các dự án hạ tầng chiến lược, trọng điểm.

#### b) Bộ Nội vụ, các địa phương:

- Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm, dự báo nhu cầu lao động theo vùng, ngành; có phương án điều tiết phù hợp, cơ chế điều phối, kết nối, đào tạo nhanh và thu hút lao động để bảo đảm nhân lực, nhất là cho các dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm, tránh tình trạng thiếu hụt nhân lực làm chậm tiến độ giải ngân và thi công các dự án và không để xảy ra mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ.

- Bộ Nội vụ nghiên cứu điều chỉnh phù hợp các quy định về cấp giấy phép lao động (cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và người Việt Nam ra nước ngoài) để đáp ứng nhu cầu lao động trong nước, phục vụ tăng trưởng 2 con số.

c) Bộ Tài chính phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo dõi việc thực hiện cam kết mở rộng đầu tư của doanh nghiệp khi khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết.

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 theo quy định tại Điều 56 Luật Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày 01 tháng 7 năm 2026.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Các bộ, cơ quan, địa phương

a) Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; có tư duy đổi mới, đột phá, hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của địa phương năm 2026.

b) Trên cơ sở số liệu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, tăng trưởng GRDP 06 tháng (sau khi được công bố), các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, cập nhật và xây dựng kịch bản, nhiệm vụ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hằng tháng, hằng quý trong các tháng cuối năm 2026 để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi chung. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo thẩm quyền và nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong trường hợp vượt thẩm quyền, gửi các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực để phối hợp xử lý theo thẩm quyền; các địa phương chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền để thực hiện kịch bản tăng trưởng được Chính phủ giao.

c) Đối với các địa phương có tốc độ tăng trưởng quý II năm 2026 và 06 tháng thấp hơn kịch bản đề ra hoặc thấp hơn mức bình quân chung của cả nước, khẩn trương rà soát, cập nhật kịch bản; đánh giá các nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhận diện đầy đủ các điểm nghẽn, tồn tại, hạn chế; xác định rõ động lực và dư địa tăng trưởng mới để xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp đột phá, khả thi, dồn lực cho các quý còn lại để đảm bảo hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm. Các địa phương đầu tàu kinh tế phát huy hơn nữa vai trò dẫn dắt, lan tỏa, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu được giao, đóng góp nhiều hơn vào thu ngân sách nhà nước, tăng trưởng kinh tế chung của cả nước.

d) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện hằng quý, cập nhật kịch bản tăng trưởng (nếu có) theo từng chỉ tiêu và kiến nghị, đề xuất giải pháp để đạt được mục tiêu tăng trưởng, gửi Bộ Tài chính trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.

2. Các Phó Thủ tướng Chính phủ theo phân công tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ chủ động làm việc, chỉ đạo các địa phương triển khai kịch bản tăng trưởng theo Nghị quyết này.

3. Các bộ, cơ quan chủ trì, theo dõi chỉ tiêu theo phân công tại Nghị quyết này đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu tại các địa phương, kịp thời kiến nghị (nếu có) địa phương triển khai các giải pháp để bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu đề ra.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị, đề xuất (nếu có), báo cáo Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng cuối cùng trong quý.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)<sub>34</sub>

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT.THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



*Nguyễn Văn Thắng*  
**Nguyễn Văn Thắng**



Phụ lục I

**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GDP THEO NGÀNH KINH TẾ NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Dự báo cả năm theo báo cáo của bộ, địa phương	Kịch bản điều chỉnh theo yêu cầu tăng trưởng 2 con số	Thay đổi KB điều chỉnh so với NQ 01	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, theo dõi	Đơn vị thực hiện
	<b>Tăng trưởng GDP</b>	<b>10%</b>	<b>8,7%</b>	<b>10%</b>	<b>10%</b>	<b>11,9%</b>		
1	Nông, lâm, thủy sản	3,7%	4,1%	4,0%	0,3%	4,3%	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
2	Công nghiệp, xây dựng	12,0%	11,3%	12,3%	0,3%	14,3%		
a	Công nghiệp	11,4%	11,1%	11,8%	0,4%	13,7%	Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Khai khoáng	1,1%	3,7%	5,4%	4,3%	9,1%	Bộ Công Thương	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,2%	11,8%	12,2%	0%	13,5%	Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Dự báo cả năm theo báo cáo của bộ, địa phương	Kịch bản điều chỉnh theo yêu cầu tăng trưởng 2 con số	Thay đổi KB điều chỉnh so với NQ 01	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, theo dõi	Đơn vị thực hiện
-	Sản xuất điện	12,2%	9,8%	12,2%	0%	16,9%	Bộ Công Thương	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Cung cấp nước; xử lý nước thải, rác thải	9,2%	10,2%	10,2%	01%	11,1%	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
<b>b</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>14,5%</b>	<b>12,4%</b>	<b>14,5%</b>	<b>0%</b>	<b>17,6%</b>	Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
<b>3</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>10,0%</b>	<b>7,9%</b>	<b>10,1%</b>	<b>0,1%</b>	<b>12,0%</b>		
-	Bán buôn, bán lẻ	11,2%	8,7%	11,2%	0%	13,5%	Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Vận tải, kho bãi	12,1%	9,3%	12,1%	0%	15,3%	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Dự báo cả năm theo báo cáo của bộ, địa phương	Kịch bản điều chỉnh theo yêu cầu tăng trưởng 2 con số	Thay đổi KB điều chỉnh so với NQ 01	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, theo dõi	Đơn vị thực hiện
-	Lưu trú, ăn uống	12,6%	6,5%	12,6%	0%	17,3%	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Thông tin và truyền thông	7,6%	7,5%	7,6%	0%	7,7%	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	11,4%	8,1%	11,4%	0%	14,0%	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	8,2%	5,7%	8,2%	0%	11,8%	Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	8,1%	9,2%	10,9%	2,8%	13,1%	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	12,4%	9,5%	12,4%	0%	16,8%	Các Bộ, cơ quan, địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương

TT	Ngành	Kịch bản NQ01	Dự báo cả năm theo báo cáo của bộ, địa phương	Kịch bản điều chỉnh theo yêu cầu tăng trưởng 2 con số	Thay đổi KB điều chỉnh so với NQ 01	Kịch bản 6 tháng cuối năm	Bộ, cơ quan chủ trì, theo dõi	Đơn vị thực hiện
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước	5,7%	6,1%	6,1%	0,4%	6,5%	Các Bộ, cơ quan, địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương
-	Giáo dục và đào tạo	7,6%	6,7%	7,6%	0%	7,6%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Y tế và trợ giúp xã hội	6,9%	7,1%	7,1%	0,2%	7,3%	Bộ Y tế	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	11,9%	10,9%	11,9%	0%	13,5%	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao



**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GRDP**  
**CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG.**

*(Kèm theo Nghị quyết số 168 /NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)*

TT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm (%)	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (để đạt mục tiêu tăng trưởng cả nước phấn đấu từ 10% trở lên)
1	TP. Hồ Chí Minh	23,3	8,47	10,2
2	Hà Nội	12,4	7,87	11
3	Hải Phòng	5,7	12,42	13
4	Đồng Nai	5,3	9,24	10
5	Bắc Ninh	4,1	10,27	12,5
6	Phú Thọ	3,2	10,87	11
7	Quảng Ninh	2,9	10,22	13
8	Lâm Đồng	2,8	7,63	10
9	Tây Ninh	2,7	9,62	10,04
10	Ninh Bình	2,7	12,04	11
11	Thanh Hóa	2,6	8,65	11
12	Hung Yên	2,5	10,15	11,5
13	Đà Nẵng	2,5	8,88	11,22
14	Cần Thơ	2,4	7,07	10,07
15	An Giang	2,3	8,31	10,71
16	Đồng Tháp	2,2	6,94	8,21
17	Vĩnh Long	2,2	5,52	10
18	Gia Lai	2,1	7,94	9,01
19	Nghệ An	1,9	8,67	11,05
20	Đắk Lắk	1,8	7,7	10,02
21	Khánh Hòa	1,6	8,07	10,2
22	Thái Nguyên	1,5	9,38	11
23	Quảng Ngãi	1,5	8,01	9,0
24	Cà Mau	1,3	6,21	10
25	Lào Cai	1,1	8,48	10,1
26	Quảng Trị	1,0	8,17	10,6
27	Hà Tĩnh	0,9	12,02	10,43

TT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm (%)	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (để đạt mục tiêu tăng trưởng cả nước phấn đấu từ 10% trở lên)
28	Sơn La	0,7	4,18	8
29	Tuyên Quang	0,7	7,23	10,17
30	Huế	0,7	9,22	10,02
31	Lạng Sơn	0,5	6,54	10,61
32	Lai Châu	0,3	6,69	10
33	Điện Biên	0,3	7,93	11,02
34	Cao Bằng	0,2	7,97	10



**Phụ lục III**

**CHI TIẾT KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GRDP CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
<b>1</b>	<b>TP. Hồ Chí Minh (GRDP)</b>	<b>23,3</b>	<b>8,47</b>	<b>10,2</b>
1.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,16	2,91
1.2	Công nghiệp - Xây dựng		8,15	10
	- Công nghiệp		8,05	9,85
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		9,46	9,97
	- Xây dựng		9,41	11,61
1.3	Dịch vụ		9,04	10,89
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,94	11,29
	Vận tải kho bãi		14,03	14,96
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		5,47	14,26
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		8,06	9,23
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,86	9,73
<b>2</b>	<b>Hà Nội (GRDP)</b>	<b>12,4</b>	<b>7,87</b>	<b>11</b>
2.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,27	3,6
2.2	Công nghiệp - Xây dựng		8,34	11,16
	- Công nghiệp		8,36	9,71
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		7,81	9,61
	- Xây dựng		8,3	13,46
2.3	Dịch vụ		8,15	11,55
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,69	13,12
	Vận tải kho bãi		11,65	13,54
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		5,06	13
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		8,28	10,7
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,83	10,07

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
<b>3</b>	<b>Hải Phòng (GRDP)</b>	<b>5,7</b>	<b>12,42</b>	<b>13</b>
3.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,37	2,35
3.2	Công nghiệp - Xây dựng		15,78	15,4
	- Công nghiệp		16,18	15,73
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		16,7	17,08
	- Xây dựng		10,91	11,45
3.3	Dịch vụ		9,84	11,1
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		11,45	11,74
	Vận tải kho bãi		11,15	13,86
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		10,5	11,82
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		9,08	9,76
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,44	7,94
<b>4</b>	<b>Đồng Nai (GRDP)</b>	<b>5,3</b>	<b>9,24</b>	<b>10</b>
4.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,76	4,46
4.2	Công nghiệp - Xây dựng		11,34	12,12
	- Công nghiệp		11,29	11,93
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		10,79	10,45
	- Xây dựng		11,89	13,86
4.3	Dịch vụ		8,16	9,27
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,31	8,74
	Vận tải kho bãi		13,64	15,37
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		3,46	6,23
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		5,99	8,36
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,02	7,5
<b>5</b>	<b>Bắc Ninh (GRDP)</b>	<b>4,1</b>	<b>10,27</b>	<b>12,5</b>
5.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		0,04	1,3
5.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,58	15,1
	- Công nghiệp		12,8	13,7

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		12,71	13,6
	- Xây dựng		8,16	45
5.3	Dịch vụ		7,41	7,8
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		6,5	7,9
	Vận tải kho bãi		13,5	8,5
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		14,8	9,5
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,62	8
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,17	8
<b>6</b>	<b>Phú Thọ (GRDP)</b>	<b>3,2</b>	<b>10,87</b>	<b>11</b>
6.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,5	3,5
6.2	Công nghiệp - Xây dựng		15,77	15,6
	- Công nghiệp		16,4	16
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		16,86	17,1
	- Xây dựng		10,69	12,91
6.3	Dịch vụ		8,79	9
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		16,04	13,21
	Vận tải kho bãi		7,6	11,4
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		2,11	13,3
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,38	7,1
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,05	6,4
<b>7</b>	<b>Quảng Ninh (GRDP)</b>	<b>2,9</b>	<b>10,22</b>	<b>13</b>
7.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,9	5,58
7.2	Công nghiệp - Xây dựng		10,38	14,29
	- Công nghiệp		10,29	14,46
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		28,72	24,69
	- Xây dựng		11,41	12,83
7.3	Dịch vụ		12,96	13,83
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		17,03	17,38

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Vận tải kho bãi		11,89	15,25
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		11,42	8,75
	Hoạt động t/chính, NH, BH		8,19	8,33
	Hoạt động chuyên môn, KHCN		8,81	8,43
<b>8</b>	<b>Lâm Đồng (GRDP)</b>	<b>2,8</b>	<b>107,63</b>	<b>10</b>
8.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,3	5,10
8.2	Công nghiệp - Xây dựng		8,03	12,85
	- Công nghiệp		8,12	12,39
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		19,88	14,19
	- Xây dựng		7,72	13,95
8.3	Dịch vụ		8,75	13,00
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		9,14	17,7
	Vận tải kho bãi		15,57	20,23
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		14,82	17,61
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		5,52	6,97
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		9,38	10,31
<b>9</b>	<b>Tây Ninh (GRDP)</b>	<b>2,7</b>	<b>9,62</b>	<b>10,04</b>
9.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,91	3,54
9.2	Công nghiệp - Xây dựng		13,14	13,21
	- Công nghiệp		13,59	13,52
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		14,26	14,06
	- Xây dựng		7,52	10,01
9.3	Dịch vụ		7,13	8,31
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		9,53	10,08
	Vận tải kho bãi		11,19	10,82
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		1,11	4,12
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,63	7,28
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,63	7,15
<b>10</b>	<b>Ninh Bình (GRDP)</b>	<b>2,7</b>	<b>12,04</b>	<b>11</b>

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
10.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,66	2,89
10.2	Công nghiệp - Xây dựng		17,56	14,86
	- Công nghiệp		19,47	15,67
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		19,65	16,36
	- Xây dựng		7,39	10,7
10.3	Dịch vụ		10,27	10,1
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		13,49	10,85
	Vận tải kho bãi		12,01	15,1
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		14,3	11,26
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		8,26	8,13
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,05	5,86
<b>11</b>	<b>Thanh Hóa (GRDP)</b>	<b>2,6</b>	<b>8,65</b>	<b>11</b>
11.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,79	3,5
11.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,81	14,0
	- Công nghiệp		14,52	16,4
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		15,2	16,98
	- Xây dựng		7,41	8,22
11.3	Dịch vụ		6,64	9
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,97	9,81
	Vận tải kho bãi		8,17	14,65
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,77	13,28
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,86	7,5
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,49	6,8
<b>12</b>	<b>Hưng Yên (GRDP)</b>	<b>2,5</b>	<b>10,15</b>	<b>11,5</b>
12.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		2,85	2,51
12.2	Công nghiệp - Xây dựng		13,39	14,58
	- Công nghiệp		13,22	13,63
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		14,97	14,38

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	- Xây dựng		14,36	18,22
12.3	Dịch vụ		8,6	9,8
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		10,9	14,46
	Vận tải kho bãi		9,67	9,11
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		7,3	9,27
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,41	8,74
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,78	6,82
<b>13</b>	<b>Đà Nẵng (GRDP)</b>	<b>2,5</b>	<b>8,88</b>	<b>11,22</b>
13.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,26	3,0
13.2	Công nghiệp - Xây dựng		10,34	13,0
	- Công nghiệp		9,03	11,41
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		10,87	11,24
	- Xây dựng		15,8	18,91
13.3	Dịch vụ		8,87	12-12,5
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,07	10,6
	Vận tải kho bãi		12,08	14,21
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		15,33	16,79
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		9	7,8
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,26	6,6
<b>14</b>	<b>Cần Thơ (GRDP)</b>	<b>2,4</b>	<b>7,07</b>	<b>10,07</b>
14.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,5	4,33
14.2	Công nghiệp - Xây dựng		7,9	11,98
	- Công nghiệp		7,96	11,38
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		8,57	12,28
	- Xây dựng		7,65	14,69
14.3	Dịch vụ		7,61	12,01
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,6	11,53
	Vận tải kho bãi		11,55	16,5
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,03	14,23

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		5,89	11,23
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,96	10,71
<b>15</b>	<b>An Giang (GRDP)</b>	<b>2,3</b>	<b>8,31</b>	<b>10,71</b>
15.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,22	3,76
15.2	Công nghiệp - Xây dựng		16,95	21,55
	- Công nghiệp		10,85	11,73
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		10,49	12,0
	- Xây dựng		29,47	42,15
15.3	Dịch vụ		8,63	11,25
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		11,92	16,2
	Vận tải kho bãi		4,7	15,1
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		12,31	14,5
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		4,36	8,15
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,62	9,63
<b>16</b>	<b>Đồng Tháp (GRDP)</b>	<b>2,2</b>	<b>6,94</b>	<b>8,21</b>
16.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,15	5,03
16.2	Công nghiệp - Xây dựng		9,86	12,27
	- Công nghiệp		10,08	12,22
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		10,47	12,5
	- Xây dựng		8,55	12,58
16.3	Dịch vụ		7,38	8,38
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,93	9,43
	Vận tải kho bãi		8,25	11,53
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,64	11,23
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		3,94	8,25
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,5	7,26
<b>17</b>	<b>Vĩnh Long (GRDP)</b>	<b>2,2</b>	<b>5,52</b>	<b>10</b>
17.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,38	3,01

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
17.2	Công nghiệp - Xây dựng		4,09	17,1
	- Công nghiệp		4,07	17,4
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		7,53	15,77
	- Xây dựng		4,2	15,65
17.3	Dịch vụ		7,66	11,19
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,84	10,29
	Vận tải kho bãi		1,02	10,37
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,58	15,15
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,54	8,63
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,93	9,63
<b>18</b>	<b>Gia Lai (GRDP)</b>	<b>2,1</b>	<b>7,94</b>	<b>9,01</b>
18.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,84	3,7-3,8
18.2	Công nghiệp - Xây dựng		11,48	11,6-12,8
	- Công nghiệp		11,45	12,21
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		11,43	10-11
	- Xây dựng		11,58	12,7-13,5
18.3	Dịch vụ		7,88	9,9-10,4
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,48	7,68
	Vận tải kho bãi		13,72	8,53
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		5,82	10,2
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,1	8,6
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,37	7,97
<b>19</b>	<b>Nghệ An (GRDP)</b>	<b>1,9</b>	<b>8,67</b>	<b>11,05</b>
19.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,79	5,23
19.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,22	16,42
	- Công nghiệp		13,77	16,5-17,93
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		14,67	16,47-17,49
	- Xây dựng		10,04	14,1

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
19.3	Dịch vụ		8,58	9,33-10,29
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		11,42	12,15
	Vận tải kho bãi		9,68	12,79
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		8,42	13,63-14,39
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,87	9,88-10,74
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,44	8,51
<b>20</b>	<b>Đắk Lắk (GRDP)</b>	<b>1,8</b>	<b>7,7</b>	<b>10,02</b>
20.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,99	5,86
20.2	Công nghiệp - Xây dựng		11,81	18,48
	- Công nghiệp		11,57	15,11
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		12,16	14,27
	- Xây dựng		12,45	26,16
20.3	Dịch vụ		6,97	9,6
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		6,83	10,5
	Vận tải kho bãi		8,29	10,22
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		10,46	10,23
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,85	10,41
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,32	8,61
<b>21</b>	<b>Khánh Hòa (GRDP)</b>	<b>1,6</b>	<b>8,07</b>	<b>10,2</b>
21.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		0,28	2,3
21.2	Công nghiệp - Xây dựng		11,62	14,21
	- Công nghiệp		9,23	10
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		10,67	11,01
	- Xây dựng		18,85	24,39
21.3	Dịch vụ		8,34	9,36
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		6,76	7,66
	Vận tải kho bãi		11,33	11,2
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,62	8,81
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,17	9,29

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,37	8,2
<b>22</b>	<b>Thái Nguyên (GRDP)</b>	<b>1,5</b>	<b>9,38</b>	<b>11</b>
22.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,11	4
22.2	Công nghiệp - Xây dựng		13,26	13,83
	- Công nghiệp		14,27	14,22
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		15,41	15,25
	- Xây dựng		5,77	11
22.3	Dịch vụ		7,11	10,5
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,3	14,42
	Vận tải kho bãi		8,93	12,5
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		4,81	4,54
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,06	9,13
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,78	11,2
<b>23</b>	<b>Quảng Ngãi (GRDP)</b>	<b>1,5</b>	<b>8,01</b>	<b>9</b>
23.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,44	3,8
23.2	Công nghiệp - Xây dựng		10,28	12,56
	- Công nghiệp		12,81	14,0
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		14,38	15,63
	- Xây dựng		-3,07	4,0
23.3	Dịch vụ		8,5	8,0
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,12	9,86
	Vận tải kho bãi		33,45	12,86
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		7,91	8,7
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		5,02	6,0
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		8,29	7,5
<b>24</b>	<b>Cà Mau (GRDP)</b>	<b>1,3</b>	<b>6,21</b>	<b>10</b>
24.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,38	5,5
24.2	Công nghiệp - Xây dựng		4,71	16

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	- Công nghiệp		1,99	13,6
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		7,33	13,95
	- Xây dựng		11,16	20,8
24.3	Dịch vụ		7,87	11,8
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,23	12,2
	Vận tải kho bãi		21,74	18,2
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		8,67	18,1
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		4,89	9
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		9,03	12,8
<b>25</b>	<b>Lào Cai (GRDP)</b>	<b>1,1</b>	<b>8,48</b>	<b>10,1</b>
25.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,16	5,3
25.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,11	15,2
	- Công nghiệp		11,92	14,8
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		9,79	11,36
	- Xây dựng		12,86	16,24
25.3	Dịch vụ		7,85	9,01
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		10,13	9,11
	Vận tải kho bãi		9,06	12,42
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		1,63	4
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7	8,52
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,34	7,38
<b>26</b>	<b>Quảng Trị (GRDP)</b>	<b>1,0</b>	<b>8,17</b>	<b>10,6</b>
26.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,93	3,2
26.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,01	19,29
	- Công nghiệp		11,71	21,27
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		11,34	9,85
	- Xây dựng		12,43	17,56
26.3	Dịch vụ		7,75	8,35

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,27	9,5
	Vận tải kho bãi		9,98	9,92
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		10,71	13,49
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,53	7,69
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,68	8,73
<b>27</b>	<b>Hà Tĩnh (GRDP)</b>	<b>0,9</b>	<b>12,02</b>	<b>10,43</b>
27.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		1,48	3,02
27.2	Công nghiệp - Xây dựng		21,6	14,47
	- Công nghiệp		24,04	16,76
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		28,97	17,99
	- Xây dựng		12,81	6,21
27.3	Dịch vụ		6,66	8,27
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,24	9,31
	Vận tải kho bãi		7,15	11,59
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		11,02	9,75
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7	7,24
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		5,52	6,79
<b>28</b>	<b>Sơn La (GRDP)</b>	<b>0,7</b>	<b>4,18</b>	<b>8</b>
28.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,21	4,2
28.2	Công nghiệp - Xây dựng		4,49	9,14
	- Công nghiệp		3,84	8,5
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		-1,05	6,69
	- Xây dựng		6,27	10,5
28.3	Dịch vụ		4,43	9,4
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		3,29	9,1
	Vận tải kho bãi		4,16	11,35
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		3,39	11,27
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		2,82	6,19

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		4,76	4,51
<b>29</b>	<b>Tuyên Quang (GRDP)</b>	<b>0,7</b>	<b>7,23</b>	<b>10,17</b>
29.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,16	5,58
29.2	Công nghiệp - Xây dựng		11,33	14,87
	- Công nghiệp		12,29	15,68
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		14,6	17,53
	- Xây dựng		9,16	13,15
29.3	Dịch vụ		6,61	10,57
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		5,55	15,69
	Vận tải kho bãi		6,59	15,93
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		3,16	13,09
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		7,57	9,32
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,26	10,23
<b>30</b>	<b>Huế (GRDP)</b>	<b>0,7</b>	<b>9,22</b>	<b>10,02</b>
30.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,46	4,19
30.2	Công nghiệp - Xây dựng		12,25	13,31
	- Công nghiệp		13,06	14,25
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		16,77	14-15
	- Xây dựng		9,07	11,5-12,5
30.3	Dịch vụ		8,52	9,3
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,12	10,58
	Vận tải kho bãi		11,2	11-12
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		14,39	13,9
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		5,98	7-8
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,23	7,3
<b>31</b>	<b>Lạng Sơn (GRDP)</b>	<b>0,5</b>	<b>6,54</b>	<b>10,61</b>
31.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,41	5,24
31.2	Công nghiệp - Xây dựng		9,34	16,36

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	- Công nghiệp		8,37	15,33
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		8,53	16,69
	- Xây dựng		10,47	17,04
31.3	Dịch vụ		6,09	9,99
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		5,14	9,37
	Vận tải kho bãi		11,38	15,52
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		8,29	12,05
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		8,93	9,96
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,47	9,36
<b>32</b>	<b>Lai Châu (GRDP)</b>	<b>0,3</b>	<b>6,69</b>	<b>10</b>
32.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		4,41	4,55
32.2	Công nghiệp - Xây dựng		9,16	14,21
	- Công nghiệp		9,9	21,36
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		6	12,0
	- Xây dựng		7,63	13,43
32.3	Dịch vụ		5,89	8,0
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		7,61	8,0
	Vận tải kho bãi		0,87	8,5
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		-0,99	9,5
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,06	8,0
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,43	12,0
<b>33</b>	<b>Điện Biên (GRDP)</b>	<b>0,3</b>	<b>7,93</b>	<b>11,02</b>
33.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		3,36	4,03
33.2	Công nghiệp - Xây dựng		13,26	17,46
	- Công nghiệp		13,82	10,63
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		16,52	12,5
	- Xây dựng		12,9	21,43
33.3	Dịch vụ		8,05	10,81

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Tăng trưởng năm 2026 phải đạt (cả nước 10%)
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		11,7	11,98
	Vận tải kho bãi		9,71	16,53
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		9,2	17,41
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,72	5,78
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		7,82	12,31
<b>34</b>	<b>Cao Bằng (GRDP)</b>	<b>0,2</b>	<b>7,97</b>	<b>10</b>
34.1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản		5,51	4,45
34.2	Công nghiệp - Xây dựng		16,09	23,46
	- Công nghiệp		10,11	9,26
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo		5	5,26
	- Xây dựng		24,96	40,91
34.3	Dịch vụ		6,54	8,28
	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô...		8,01	12,27
	Vận tải kho bãi		4,56	10,06
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		2,51	7,62
	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm		6,16	6,55
	Hoạt động chuyên môn, Khoa học và Công nghệ		6,39	7,32